

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2025
“V/v tranh chấp ly hôn, con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cường

Ông Trần Văn Mỹ Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thủy Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thùy L**, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là: ấp Đ, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

Địa chỉ liên hệ: Công ty T1, Lô C, ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là: Công ty T1, Lô C, ấp T, xã H, tỉnh Lâm Đồng).

- Bị đơn: Anh **Lê Quan Minh N**, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: số D, T, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là: số 46, T, phường L, tỉnh Vĩnh Long) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

- Về hôn nhân: chị L và anh N tiến đến hôn nhân do được mai mối, có tổ chức đám cưới khoảng tháng 12/2017 nhưng đến ngày 12/5/2022 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, mục đích đăng ký kết hôn để đăng ký khai sinh cho con. Đám cưới xong vợ chồng sống tại nhà anh N, địa chỉ: số D, T, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Từ khi cưới nhau đến nay vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn trầm trọng bắt đầu từ năm 2020, thường xuyên bất đồng quan điểm, hay cự cãi, anh N không tôn trọng vợ, không chí thú làm ăn, chị L nhiều lần khuyên nhưng anh N không sửa đổi. Hiện nay anh N vẫn đăng ký hộ khẩu tại số D, T, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, ngoài địa chỉ này chị L không còn địa chỉ khác của anh N.

Gia đình hai bên đều biết chị L và anh N mâu thuẫn nhưng không hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, từ khi sống ly thân đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh N, giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh N.

Về con chung: chị L và anh N có 01 chung, tên Lê Minh T, sinh ngày 15/4/2022, con chung đang sinh sống cùng chị L. Hiện chị L đi làm và thuê nhà sinh sống tại Lâm Đồng, thu nhập mỗi tháng khoảng 7.000.000đ (bảy triệu đồng) đủ điều kiện nuôi con. Ngoài ra, gia đình chị L cũng hỗ trợ chị L nuôi và chăm sóc con. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng chị L không có tài sản chung, không có nợ chung, không ai nợ vợ chồng chị L, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L cam kết lời trình bày của chị là đúng sự thật, nếu sai chị L tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bị đơn Lê Quan Minh N vắng mặt suốt quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị L có đơn xin xử vắng mặt và bảo lưu các ý kiến đã trình bày; bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy L. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy L với anh Lê Quan Minh N; giao con chung Lê Minh T, sinh ngày 15/4/2022 cho chị Nguyễn Thị Thùy L nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con; Án phí chị L phải nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh N, nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn có nơi cư trú tại phường L, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai: phiên tòa lần thứ nhất ngày 22/4/2025, phiên tòa lần thứ hai ngày 17/7/2025 nhưng đều vắng mặt, không có lý do nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh N tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 12/5/2022 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Chị L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh N.

Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L với anh N ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về con chung: chị L và anh N có 01 chung, tên Lê Minh T, sinh ngày 15/4/2022. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng. Xét thấy, hiện con chung đang sinh sống cùng chị L, chị L có việc làm và thu nhập bình quân 7.000.000đ/tháng; anh N không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị L nên chấp yêu cầu của chị L, tiếp tục giao con chung Lê Minh T cho chị L nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: chị L và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: chị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0007652 ngày 04/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Vĩnh Long), chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Như phân tích trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy L.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy L với anh Lê Quan Minh N.

2. Về con chung: tiếp tục giao Lê Minh T, sinh ngày 15/4/2022 cho chị Nguyễn Thị Thùy L nuôi dưỡng, anh Lê Quan Minh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Thùy L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0007652 ngày 04/02/2025 tại Chi cục Thi hành

án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Vĩnh Long), chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 1-Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 1-Vĩnh Long;
- UBND xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
(nay là: xã Hòa Minh, tỉnh Vĩnh Long,
Giấy CNKH số 47, ngày 12/5/2022);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận

